

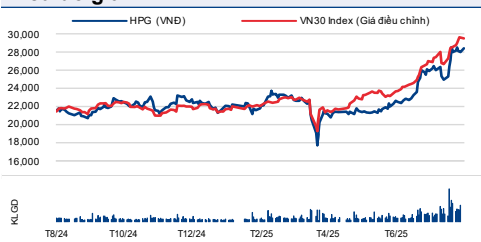
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ33,300
Tiềm năng tăng/giảm: 17.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/8/2025)	28,400
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-28,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	28,200
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	217,983
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,290
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,675
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,761
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,020
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.7%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	170,069	212,315
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,588	29,697	37,989
LNTT (tỷ đồng)	13,693	18,657	23,758
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,419	16,129	20,764
FCF (tỷ đồng)	(28,452)	(3,358)	306
EPS ĐC (đồng)	1,488	2,101	2,705
DPS (đồng)	0	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,878	17,000	18,705
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	37.6	27.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	17.7	28.7
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	17.5	17.9
Tỷ suất LNTTT (%)	9.86	11.0	11.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	9.98	10.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	45.2	35.1
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	55.8	52.7
ROAE (%)	11.1	13.9	16.0
ROACE (%)	11.0	13.0	15.6
EV/doanh thu (lần)	1.72	1.61	1.28
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.1	9.20	7.15
P/E ĐC (lần)	19.1	13.5	10.5
P/B (lần)	1.59	1.67	1.52
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.52	3.52

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 7/2025: Nhu cầu tích cực bất chấp mùa mưa

- HPG đã bán được 864.461 tấn thép trong tháng 7 (tăng 16% so với cùng kỳ và 7% so với tháng trước). Mức tăng trưởng mạnh mẽ này, đưa sản lượng 7 tháng đầu năm 2025 lên 6,4 triệu tấn (tăng 21% so với cùng kỳ), được thúc đẩy bởi nhu cầu cao ở mảng HRC và thép xây dựng. Đáng chú ý, sản lượng tăng so với tháng trước ngay cả trong mùa mưa, khi nhu cầu thép xây dựng và ống thép vẫn đi lên.
- Trong tháng 8, HPG đã tăng giá bán bình quân HRC cho các lô giao tháng 9/10 thêm 3,3% so với tháng trước, lên 13.580đ/kg, nhờ đợt tăng giá gần đây tại Trung Quốc. HSC kỳ vọng việc Trung Quốc tiếp tục áp dụng biện pháp kiểm soát sản lượng sẽ tiếp tục hỗ trợ giá thép trong thời gian tới.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 32% trong 3 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần, vẫn rẻ hơn bình quân 3 năm ở mức 13,3 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với HPG.

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 7

Hiệp hội Thép Việt Nam vừa công bố báo cáo hàng tháng về sản lượng tiêu thụ của các thành viên. Theo đó, HPG bán được tổng cộng 864.461 tấn thép trong tháng 7, tăng 16% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ mảng thép xây dựng, HRC và tôn mạ. Bất chấp mùa mưa, sản lượng tháng 7 của HPG vẫn tăng 7% so với tháng trước, được hỗ trợ bởi diễn biến tích cực ở các mảng thép xây dựng, ống thép và tôn mạ.

Nhu cầu thép xây dựng tích cực trong tháng 7 nhờ nhu cầu trong nước mạnh

Trong tháng 7, HPG đã bán được 370.616 tấn thép xây dựng, tăng 7% so với cùng kỳ và 15% so với tháng trước, đưa tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong 7 tháng đầu năm 2025 lên 2,84 triệu tấn, tăng 10% so với cùng kỳ. Thép xây dựng đóng góp 44% tổng sản lượng tiêu thụ thép của HPG trong 7 tháng đầu năm 2025, so với mức 48% trong 7 tháng đầu năm 2024 và cả năm 2024. HSC cho rằng nhu cầu trong nước mạnh là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng thép xây dựng, cụ thể như sau:

- Sản lượng tiêu thụ trong nước tăng mạnh 25% so với cùng kỳ và 8% so với tháng trước trong tháng 7, đạt 342.530 tấn, nhờ giải ngân đầu tư công duy trì tích cực và thị trường BĐS dần phục hồi.** Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, sản lượng tiêu thụ trong nước đạt 2,4 triệu tấn, tăng 31% so với cùng kỳ. Tiêu thụ trong nước hiện đóng góp 85% tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Công ty. Trong cơ cấu nhu cầu này, HSC ước tính phân khúc nhà ở đóng góp 65-70%, trong khi phân khúc xây dựng theo dự án (bao gồm cả BĐS và đầu tư công) đóng góp 15-20% còn lại.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ T7/2025 và 7 tháng đầu năm 2025, HPG

Tăng trưởng mạnh trong bối cảnh mùa mưa, động lực chính là sản phẩm thép xây dựng, ống thép và tôn mạ

Tấn	T7/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	7T25	So với cùng kỳ
Sản phẩm thượng nguồn	727,533	14.8%	3.3%	5,699,487	21.8%
Thép xây dựng	370,616	6.8%	15.2%	2,839,348	10.3%
Phôi thép	0	-100.0%	n/a	335,089	-1.8%
HRC	356,917	52.4%	-6.7%	2,525,050	43.2%
Ống thép	83,664	27.5%	12.0%	486,013	26.9%
Tôn mạ	53,264	20.9%	75.7%	253,090	-4.9%
Tổng sản lượng tiêu thụ	864,461	16.3%	6.8%	6,438,590	20.8%
Sản lượng thép thô	825,191	13.1%	-1.5%	5,951,345	16.7%

Nguồn: VSA, HSC

- Hoạt động xuất khẩu phục hồi trong tháng 7 với sản lượng tăng lên 28.086 tấn, tương ứng mức tăng mạnh 345% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 61% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, sản lượng xuất khẩu của HPG chỉ đạt 415.624 tấn, giảm 43% so với cùng kỳ. Xuất khẩu hiện chỉ chiếm 15% tổng sản lượng thép xây dựng của HPG trong 7 tháng đầu năm 2025.

Từ cuối tháng 7, HPG điều chỉnh tăng nhẹ giá thép xây dựng trong nước, tăng 0,7% giá thép thanh lên 13.850đ/kg, trong khi giữ nguyên giá thép cuộn ở mức 13.560đ/kg. Theo quan sát của HSC, HPG khá thận trọng trong việc điều chỉnh giá bán bình quân trong nước bất chấp giá thép thanh tại Trung Quốc đã tăng hơn 8% trong tháng 7.

Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính là do HPG ưu tiên thúc đẩy sản lượng tiêu thụ trong giai đoạn mùa mưa (tháng 7-8) và tháng 7 âm lịch (23/8–21/9). Do đó, chúng tôi kỳ vọng mức tăng giá đáng kể hơn sẽ được triển khai trong Q4/2025.

Nhu cầu HRC cải thiện nhờ các biện pháp bảo hộ

HPG đã bán được 356.917 tấn HRC trong tháng 7, tăng 52% so với cùng kỳ nhưng giảm 7% so với tháng trước, đưa sản lượng tiêu thụ HRC 7 tháng đầu năm 2025 lên hơn 2,5 triệu tấn (tăng 43% so với cùng kỳ) và nâng tỷ trọng HRC trong tổng sản lượng tiêu thụ thép của HPG lên 39% trong 7 tháng đầu năm 2025 so với 33% trong 7 tháng đầu năm 2024 và 32% trong cả năm 2024.

Nhờ các biện pháp áp thuế chống bán phá giá đối với HRC Trung Quốc có hiệu lực, người dùng HRC trong nước ngày càng chuyển sang mua từ các nhà sản xuất trong nước, qua đó thúc đẩy nhu cầu đáng kể. Kết quả là sản lượng HRC tiêu thụ trong nước của HPG tăng mạnh 85% so với cùng kỳ đạt 2,2 triệu tấn. Diễn biến tích cực này đã nâng tỷ trọng tiêu thụ trong nước lên 87% tổng sản lượng HRC của HPG, tăng rõ rệt so với mức 68% trong 7 tháng đầu năm 2024. Ngược lại, sản lượng xuất khẩu HRC giảm mạnh 44% so với cùng kỳ chỉ còn 322.562 tấn, chiếm 13% tổng sản lượng HRC, giảm từ mức 32% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Sản lượng sản xuất sẽ cải thiện từ tháng 8 trở đi

Trong tháng 7, sản lượng thép thô đạt 825.191 tấn, tăng 13% so với cùng kỳ nhưng giảm 2% so với tháng trước, theo đó, sản lượng 7 tháng đầu năm 2025 đạt gần 6 triệu tấn (tăng 17% so với cùng kỳ).

Vào ngày 1/8/2025, HPG đã khởi động lại lò cao số 1 tại DQSC Giai đoạn 1 sau sự cố hồi đầu tháng 5. Lò cao này có công suất thiết kế 1,4 triệu tấn/năm (tương đương khoảng 116.667 tấn/tháng) và hiện đã vận hành trở lại toàn bộ. Việc khôi phục này nâng tổng công suất thiết kế của HPG lên 975.000 tấn/tháng, so với mức 858.333 tấn/tháng trong giai đoạn tháng 5–7.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng lò cao số 2 tại DQSC Giai đoạn 2 dự kiến sẽ chạy thử vào tháng 9 năm nay. Lò mới này sẽ bổ sung công suất thêm 2,8 triệu tấn/năm, giúp nâng tổng sản lượng thép thô hằng tháng của HPG lên 1,21 triệu tấn, tương đương công suất hằng năm 14,5 triệu tấn (tăng 24%).

Vào ngày 19/8, HPG đã tổ chức lễ động thổ dự án KCN Hòa Tâm Giai đoạn 1 và cảng Bãi Gốc với tổng vốn đầu tư 24 nghìn tỷ đồng, chia làm 2 giai đoạn; đồng thời, dự án Khu liên hợp gang thép Phú Yên với tổng vốn đầu tư 100 nghìn tỷ đồng cho 2 giai đoạn sẽ bổ sung thêm 6 triệu tấn thép/năm, theo tầm nhìn đến năm 2030.

Cải cách nguồn cung tại Trung Quốc sẽ hỗ trợ ngành thép

Đây là lần đầu tiên sau 10 năm, Chính phủ Trung Quốc khởi động lại chính sách cải cách nguồn cung (“phiên bản 2.0”). Mặc dù HSC không kỳ vọng nỗ lực này sẽ có tác động ngay lập tức và mạnh mẽ nhưng nỗ lực cắt giảm công suất lạc hậu và giảm phát thải carbon có thể giúp giải quyết vấn đề dư cung kéo dài tại quốc gia này.

Việc giảm dư cung tại Trung Quốc có thể góp phần giảm áp lực lên thị trường toàn cầu, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp thép Việt Nam gia tăng xuất khẩu đồng thời hạn chế hoạt động bán phá giá tại thị trường Việt Nam. Dù còn quá sớm để đánh giá đầy đủ tác động của đợt cải cách mới này nhưng những tín hiệu ban đầu đã xuất hiện: giá thép xây dựng và HRC tại Trung Quốc đã hồi phục đáng kể 8-10% kể từ đầu tháng 7.

Trong bối cảnh đó, HPG cũng đã điều chỉnh tăng giá bán HRC cho các đơn hàng giao tháng 9/10 thêm 3,3% so với tháng trước, lên mức 13.850đ/kg.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC duy trì dự báo lợi nhuận giai đoạn 2025–2027 cho HPG với lợi nhuận thuần dự báo tăng trưởng lần lượt 41%, 29%, 41%; theo đó lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR 3 năm đạt 37%. Sau khi giá cổ phiếu tăng 32% trong 3 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,5 lần, vẫn rẻ hơn bình quân 3 năm ở mức 13,3 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	170,069	212,315	239,396
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	26,268	33,701	41,039
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(5,119)	(6,391)	(7,206)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	21,149	27,310	33,834
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,525)	(3,594)	(637)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	34.0	42.5	47.9
LN TT	7,793	13,693	18,657	23,758	33,245
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(1,679)	(1,901)	(2,327)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	(0.42)	(0.60)	(0.77)	(1.08)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,020	16,977	21,857	30,916
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,419	16,129	20,764	29,371
EBITDA ĐC	16,431	21,588	29,697	37,989	45,464
EPS (đồng)	1,175	1,879	2,212	2,848	4,028
EPS ĐC (đồng)	846	1,488	2,101	2,705	3,827
DPS (đồng)	0	0	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	27,550	12,231	12,365
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	17,007	21,232	28,728
Phải thu khách hàng	10,702	7,622	15,306	21,232	26,334
Hàng tồn kho	34,504	46,521	50,170	63,695	71,819
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,503	10,616	14,364
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	87,079	118,537	129,004	153,608
TSCĐ hữu hình	97,886	130,994	133,707	127,421	126,441
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,537	6,493	8,086	9,105
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,411	140,931	136,226	136,251
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	259,468	265,231	289,860
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	59,524	63,695	67,031
Phải trả người bán	12,387	14,110	17,007	21,232	23,940
Nợ ngắn hạn khác	2,457	3,029	3,189	3,596	3,837
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,503	82,760	92,317	99,087
Nợ dài hạn	10,399	27,080	39,912	23,026	19,189
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,162	6,019	6,021	6,022
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,271	45,932	29,047	25,211
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	128,691	121,364	124,297
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,355	130,483	143,572	165,267
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	293	293	294	295
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	130,777	143,866	165,562
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	259,468	265,231	289,860
BVPS (đ)	17,674	17,878	17,000	18,705	21,532
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	71,887	74,490	73,855

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	21,149	27,310	33,834
Khấu hao	(6,762)	(6,973)	(8,549)	(10,679)	(11,630)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,525)	(3,594)	(637)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(1,679)	(1,901)	(2,327)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,845)	(19,749)	(31,040)	(23,145)
Khác	(4,595)	(2,067)	(3,526)	(4,629)	(4,250)
LCT thuần từ HKKD	8,643	7,027	7,892	4,687	19,646
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,479)	(11,250)	(4,381)	(10,636)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,817)	1,934	(4,267)	(7,523)
Thanh lý	42,960	33,152	519	675	597
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(30,143)	(8,797)	(7,972)	(17,562)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	0	(7,675)	(7,675)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,524	21,567	(4,358)	5,725
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,752	21,567	(12,034)	(1,951)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	27,550	12,231
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	20,662	(15,319)	134
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	27,550	12,231	12,365
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,452)	(3,358)	306	9,010

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.4	15.9	17.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.5	17.9	19.0
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	9.98	10.3	12.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	9.00	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	22.5	24.8	12.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.4	37.6	27.9	19.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	41.2	28.7	41.4
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	17.7	28.7	41.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	75.9	41.2	28.7	41.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	45.2	35.1	24.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	13.9	16.0	20.0
ROACE (%)	8.62	11.0	13.0	15.6	18.6
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.70	0.81	0.86
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.48	0.37	0.17	0.58
Số ngày tồn kho	119	141	127	130	132
Số ngày phải thu	36.8	23.1	38.9	43.4	48.5
Số ngày phải trả	42.6	42.8	43.2	43.4	44.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	55.8	52.7	45.5
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	38.7	33.1	30.2
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	8.37	7.60	53.1
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.88	3.38	2.31	1.92
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.43	1.40	1.55
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.65	1.72	1.61	1.28	1.10
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.9	11.1	9.20	7.15	5.79
P/E (lần)	24.2	15.1	12.8	9.97	7.05
P/E ĐC (lần)	33.6	19.1	13.5	10.5	7.42
P/B (lần)	1.61	1.59	1.67	1.52	1.32
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	3.52	3.52	3.52

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn